TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 12 – 11 – 2019.

"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vụ và ông Phan Xuân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Xuân N.

Địa chỉ: Thôn 12, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị V.

Địa chỉ: Thôn 12, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn T.

Địa chỉ: Thôn 12, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn 12, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bà Võ Văn Đ.

Địa chỉ: Thôn 12, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2019 của nguyên đơn ông Đào Xuân N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông N trình bày:*

Vào ngày 31/12/2017, tôi cho bà Hoàng Thị V và con trai Vũ Văn T vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 01 năm tính từ thời điểm vay, lãi suất 0,6%/1 tháng, trả 01 năm một lần, tức là vào ngày 31/12/2018 phải trả cho tôi số tiền nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Nguồn gốc của số tiền vay này là tôi cho bà V và chồng bà V là ông Vũ Viết D (đã chết) vay 200.000.000đ, thời gian cụ thể tôi cho vay lần đầu tôi không nhớ rõ, tôi chỉ nhớ lúc đó chồng bà V còn sống, cách đây 3, 4 năm, mục đích vợ chồng bà V vay để đầu tư làm ăn phát triển kinh tế trong gia đình, sau này chồng bà V đột ngột chết do tai nạn, nên tôi có yêu cầu bà V viết lại giấy vay cho tôi, khi viết giấy tôi có yêu cầu con trai bà V là ông Vũ Văn T ký vào giấy coi như là khoản tiền vay mới, nhưng thực chất anh T không được nhận tiền, tiêu tiền, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương và đã đi làm ăn từ thời điểm trước khi tôi làm đơn khởi kiện. Khi vay có thế chấp cho tôi một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509236 mang tên ông Lê Thanh Ng và bà Trần Thị T2, việc thế chấp không theo quy định của pháp luật mà bà V chỉ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) cho tôi để làm tin, nhưng sau này trong quá trình giải quyết vụ án tôi đã trả lại cho bà V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 509236 mang tên ông Lê Thanh Ng và bà Trần Thị T2, nên hiện nay tôi không còn cầm giữ bất cứ giấy tờ nào có giá của bà V. Khi làm giấy vay tiền có sự chứng kiến của ông Trịnh Văn T1. Đến hạn trả nợ bà Hoàng Thị V và con trai là anh Vũ Văn T không trả như nội dung biên bản giấy vay tiền mặc dù tôi đã đến nhà yêu cầu nhiều lần. Trong quá trình giải quyết vụ án, do việc vay mượn đã xảy ra từ trước, và hiện nay anh T vắng mặt tại địa phương nên tôi đã làm đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Vũ Văn T. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar buộc bà Hoàng Thị V có trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ gốc là 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 31/12/2017 đến ngày 31/12/2018 là 200.000.000đ x 0,6%/1 tháng x 12 tháng = 14.400.000đ, tiền lãi quá hạn tính theo mức 0,75%/01 tháng tính từ ngày 01/01/2019 cho đến thời điểm Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 15/02/2019, bà Hoàng Thị V trình bày:*

Ngày 31/12/2017 (Âm lịch) bà Hoàng Thị V có vay của ông Đào Xuân N số tiền 200.000.000đ với thỏa thuận lãi cũng như gốc trong một năm bà V có

trách nhiệm trả cho ông N, trong quá trình vay bà V có thế chấp cho ông N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Thanh Ng và bà Trần Thị T2 nhưng không làm thủ tục thế chấp theo quy định của pháp luật. Nguồn gốc của số tiền này là do bà V và chồng đứng ra vay, không may chồng bà V bị tai nạn qua đời, ông N có yêu cầu con trai bà V là anh Vũ Văn T ký xác nhận vào giấy nhận nợ, thực tế anh T không liên quan đến tiền bạc. Nay ông N khởi kiện bà V ra Tòa án bà V muốn thỏa thuận với người mua đất rồi trả lại số tiền đã vay cho ông N.

** Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Trịnh Văn T1 khai:* Vào ngày 31/12/2017, ông T1 có chứng kiến việc vay tiền giữa bà Hoàng Thị V với ông Đào Xuân N với số tiền 200.000.000đ.

** Người làm chứng bà Võ Văn Đ khai tại bản tự khai:* Bà được bà Hoàng Thị V và ông Đào Xuân N yêu cầu làm người làm chứng cho việc vay tiền của bà V với ông N. Tuy nhiên bà không thừa nhận việc bà nhận trả nợ thay bà Hoàng Thị V cho ông Đào Xuân N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Hoàng Thị V vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/7/2019 và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08/10/2019, vắng mặt tại phiên toà không có lý do là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đào Xuân N. Buộc bà Hoàng Thị V có trách nhiệm phải trả cho ông Đào Xuân N số tiền nợ gốc 200.000.000đ và lãi suất phát sinh theo mức 0,6%/01 tháng từ ngày 31/12/2017 đến ngày 31/12/2018, lãi quá hạn 0,75%/01 tháng kể từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Ông Đào Xuân N khởi kiện đối với bà Hoàng Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 12, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Ea Kar có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

Ông Đào Xuân N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn bà Hoàng Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn T đã đượcTòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét đơn khởi kiện của ông Đào Xuân N yêu cầu bà Hoàng Thị V trả cho ông N số tiền đã vay là 200.000.000đ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình làm việc tại Tòa án, tại bản tự khai, bà Hoàng Thị V thừa nhận đã vay của ông Đào Xuân N số tiền 200.000.000đ, các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất là 0,6%/1 tháng. Việc vay tiền là hoàn tooàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tình tiết không cần chứng minh. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N, buộc bà Hoàng Thị V phải có trách nhiệm trả cho ông Đào Xuân N số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/10/2019 ông Đào Xuân N có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Vũ Văn T về việc buộc anh Vũ Văn T liên đới cùng bà Hoàng Thị V trả nợ cho ông N. Xét đây là sự tự nguyện của ông Đào Xuân N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên.

[2.2] Về lãi suất: Quá trình vay tiền các bên có thỏa thuận về việc trả lãi với lãi suất thỏa thuận là 0,6%/01 tháng và thời hạn trả nợ gốc và lãi là 31/12/2018, xét đây là mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận, đến hạn, bà V không trả được nợ gốc và lãi nên áp dụng tính lãi suất quá hạn theo điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, ông N chỉ yêu cầu bà V trả lãi quá hạn là 0,75%/01 tháng là phù hợp nên buộc bà Hoàng Thị V phải trả cho ông Đào Xuân N:

+ Lãi suất trong hạn phát sinh tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 là: 200.000.000đ x 0,6%/01 tháng x 12 tháng = 14.400.000đ.

+ Lãi suất quá hạn tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2019 là: 200.000.000đ x 0,75%/01 tháng x 10 tháng 12 ngày = 15.600.000đ

Tổng số tiền bà Hoàng Thị V phải trả cho ông N là: 200.000.000đ + 14.400.000đ + 15.600.000đ = 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.500.000đ (Tính theo mức 230.000.000đ x 5%).

Vì yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Xuân N được chấp nhận nên trả lại cho ông Đào Xuân N số tiền tạm ứng án phí.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 91; Điều 92; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự.

- Điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N. Buộc bà Hoàng Thị V phải trả cho ông Đào Xuân N số tiền vay gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của ông Đào Xuân N buộc anh Vũ Văn T liên đới cùng bà Hoàng Thị V trả nợ cho ông N số tiền vay gốc 200.000.000đ và lãi phát sinh.

Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.500.000đ (Tính theo mức 230.000.000đ x 5%).

Hoàn trả lại cho ông Đào Xuân N số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2017/0012786 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 12/11/2019) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà